

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/DS-ST

Ngày 11/11/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn P;

2/. Ông Phan Văn C.

- *Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.*

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị N – Kiểm sát viên.*

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 22/5/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. *N đơn: Chị P T X, sinh năm 1984;*

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X: Chị P T E, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn: Anh N H V, sinh năm 1983;*

Địa chỉ: ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3/. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị N T N;

Địa chỉ: ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị X, chị E có mặt, anh V và chị N vắng mặt lần hai tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai N đơn chị P T X trình bày::

Chị có cho anh N H V và vợ là N T N vay số tiền 65.000.000 đồng, thời gian vay chỉ vài ngày sẽ trả, việc vay nợ không có làm giấy tờ; Từ đó cho đến nay anh V chỉ có trả cho chị 01 lần bằng số tiền 16.000.000 đồng, mặc dù chị X có đòi anh V và chị N rất nhiều lần; sau đó chị X có làm đơn thưa đến nơi anh V và chị N làm việc, ngày 28/12/2018 Đảng ủy xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai có mời anh V làm việc, anh V có thừa nhận thiếu nợ chị, có hứa trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay chị P T X yêu cầu anh N H V và chị N T N trả nợ gốc số tiền 49.000.000 đồng, nợ lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/12/2018 đến nay.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X, chị P T E thống nhất với lời khai, yêu cầu của chị X.

Bị đơn anh N H V vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị N T N vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, N đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X; Buộc anh N H V và chị N T N có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền vay gốc 29.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/11/2020 là 10.702.992. Về án phí: Anh V và chị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.985.149 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P T X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N H V, chị N T N trả tiền nợ vay. Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2020 đối với ông Nguyễn Trường Lâm – Trưởng Công an xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long thì được anh Lâm cung cấp thông tin: Qua xác minh anh V và chị N hiện còn đăng ký hộ khẩu và sống chung với bà Nguyễn Thị Tuyết M (mẹ anh V) tại ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, hiện tại anh V, chị N đi làm thuê ở Thành Phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ, có thường xuyên về nơi cư trú. Như vậy, anh V, chị N không bỏ địa phương mà chỉ đi nơi khác làm việc rồi một thời gian lại về địa phương nên việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, chị N (bà Nguyễn Thị Tuyết M mẹ anh V nhận thay và cam kết giao ngay cho anh V, chị N) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V và chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt anh V, chị N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai chị P T X yêu cầu anh N H V và chị N T N trả nợ gốc số tiền 49.000.000 đồng, nợ lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/12/2018 đến nay.

[3] Tại biên bản làm việc ngày 28/12/2018 của Đảng ủy xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai đối với anh N H V và chị P T X thì các đương sự thống nhất “Anh V có vay của chị P T X số tiền 65.000.000 đồng, chị N T N vợ anh V có gửi cho chị X tiền nợ lãi số tiền 20.000.000 đồng, anh V có trả cho chị X số tiền 16.000.000 đồng tiền nợ gốc”.

[4] Tại phiên tòa ngày hôm nay chị X có ý kiến, chị cho anh V và chị N vay số tiền 49.000.000 đồng vào năm 2016 chứ không phải năm 2018 như lời khai của chị, chị không yêu cầu anh V và chị N trả tiền lãi từ ngày vay (năm 2016) đến ngày 04/01/2019. Tháng 7 năm 2016 chị có nhận của chị N số tiền 20.000.000 đồng nhưng do chị không có yêu cầu anh V, chị N trả tiền lãi trong giai đoạn này nên chị X tự nguyện khấu trừ số tiền này vào tiền gốc. Nay chị X thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ tiếp tục yêu cầu anh V, chị N trả tiền nợ vay gốc còn thiếu là 29.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Như vậy lời thừa nhận của anh V trong biên bản làm việc ghi ngày 28/12/2018 của Đảng ủy xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và lời thừa nhận của chị X tại phiên tòa ngày hôm nay là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X và được tính tiền lãi như sau: theo lời trình bày của chị X thì mức lãi suất mà chị X cho anh V vay tiền là 4%/ tháng tương đương 48%/ 1 năm, nhưng nay chị X yêu cầu anh V, chị N trả tiền lãi theo quy định của pháp luật; Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được tính trong trường hợp này là 20%/ 1 năm và được tính như sau: Từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/11/2020 là 22 tháng 06 ngày x 29.000.000 đồng x 20%/ 1 năm = 10.702.992 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X kiện anh N H V, chị N T N trả tiền vay gốc là 29.000.000 đồng và tiền lãi vay số tiền 10.702.992 đồng.

[7] Về án phí: Buộc anh V, chị N phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 9, khoản 5 Điều 177 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X kiện đòi anh N H V và chị N T N trả tiền vay gốc là 29.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Buộc anh N H V và chị N T N có nghĩa vụ trả tiền nợ vay gốc cho chị P T X số tiền 29.000.000 đ (Hai mươi chín triệu đồng) và tiền nợ lãi số tiền 10.702.992 đ (Mười triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng); tổng cộng số tiền 39.702.992 đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N H V, chị N T N phải nộp số tiền 1.985.149 đ (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi chín đồng). Chị P T X đã tạm ứng số tiền 1.225.000 đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0009343 ngày 22 tháng 5 năm 2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đương sự, báo cho đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nội nhân

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các nông sãi;
- Lầu.

Quách Thanh Tồn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2020/DS-ST

Ngày 11/11/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Ông Phan Văn Chiêu.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Danh Văn An – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Lý Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 22/5/2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tiền*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2020/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 132/2020/QĐST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. *N đơn:* Chị P T X, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X: Chị P T E, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn:* Anh N H V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3/. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Chị N T N;

Địa chỉ: ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị X, chị E có mặt, anh V và chị N vắng mặt lần hai tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai N đơn chị P T X trình bày::

Chị có cho anh N H V và vợ là N T N vay số tiền 65.000.000 đồng, thời gian vay chỉ vài ngày sẽ trả, việc vay nợ không có làm giấy tờ; Từ đó cho đến nay anh V chỉ có trả cho chị 01 lần bằng số tiền 16.000.000 đồng, mặc dù chị X có đòi anh V và chị N rất nhiều lần; sau đó chị X có làm đơn thưa đến nơi anh V và chị N làm việc, ngày 28/12/2018 Đảng ủy xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai có mời anh V làm việc, anh V có thừa nhận thiếu nợ chị, có hứa trả nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nay chị P T X yêu cầu anh N H V và chị N T N trả nợ gốc số tiền 49.000.000 đồng, nợ lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/12/2018 đến nay.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X, chị P T E thống nhất với lời khai, yêu cầu của chị X.

Bị đơn anh N H V vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị N T N vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng, quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, N đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X; Buộc anh N H V và chị N T N có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền vay gốc 29.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/11/2020 là 10.702.992. Về án phí: Anh V và chị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 1.985.149 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P T X có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh N H V, chị N T N trả tiền nợ vay. Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2020 đối với ông Nguyễn Trường Lâm – Trưởng Công an xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long thì được anh Lâm cung cấp thông tin: Qua xác minh anh V và chị N hiện còn đăng ký hộ khẩu và sống chung với bà Nguyễn Thị Tuyết Mai (mẹ anh V) tại ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, hiện tại anh V, chị N đi làm thuê ở Thành Phố Hồ Chí Minh nhưng không rõ địa chỉ, có thường xuyên về nơi cư trú. Như vậy, anh V, chị N không bỏ địa phương mà chỉ đi nơi khác làm việc rồi một thời gian lại về địa phương nên việc tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh V, chị N (bà Nguyễn Thị Tuyết Mai mẹ anh V nhận thay và cam kết giao ngay cho anh V, chị N) là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V và chị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên việc xét xử vắng mặt anh V, chị N là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, lời khai chị P T X yêu cầu anh N H V và chị N T N trả nợ gốc số tiền 49.000.000 đồng, nợ lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/12/2018 đến nay.

[3] Tại biên bản làm việc ngày 28/12/2018 của Đảng ủy xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai đối với anh N H V và chị P T X thì các đương sự thống nhất “Anh V có vay của chị P T X số tiền 65.000.000 đồng, chị N T N vợ anh V có gửi cho chị X tiền nợ lãi số tiền 20.000.000 đồng, anh V có trả cho chị X số tiền 16.000.000 đồng tiền nợ gốc”.

[4] Tại phiên tòa ngày hôm nay chị X có ý kiến, chị cho anh V và chị N vay số tiền 49.000.000 đồng vào năm 2016 chứ không phải năm 2018 như lời khai của chị, chị không yêu cầu anh V và chị N trả tiền lãi từ ngày vay (năm 2016) đến ngày 04/01/2019. Tháng 7 năm 2016 chị có nhận của chị N số tiền 20.000.000 đồng nhưng do chị không có yêu cầu anh V, chị N trả tiền lãi trong giai đoạn này nên chị X tự nguyện khấu trừ số tiền này vào tiền gốc. Nay chị X thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ tiếp tục yêu cầu anh V, chị N trả tiền nợ vay gốc còn thiếu là 29.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[5] Như vậy lời thừa nhận của anh V trong biên bản làm việc ghi ngày 28/12/2018 của Đảng ủy xã Phong Thạnh Đông, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu và lời thừa nhận của chị X tại phiên tòa ngày hôm nay là những tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X và được tính tiền lãi như sau: theo lời trình bày của chị X thì mức lãi suất mà chị X cho anh V vay tiền là 4%/ tháng tương đương 48%/ 1 năm, nhưng nay chị X yêu cầu anh V, chị N trả tiền lãi theo quy định của pháp luật; Tại Điều 468 của Bộ luật dân sự thì mức lãi suất được tính trong trường hợp này là 20%/ 1 năm và được tính như sau: Từ ngày 05/01/2019 đến ngày 11/11/2020 là 22 tháng 06 ngày x 29.000.000 đồng x 20%/ 1 năm = 10.702.992 đồng.

[6] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X kiện anh N H V, chị N T N trả tiền vay gốc là 29.000.000 đồng và tiền lãi vay số tiền 10.702.992 đồng.

[7] Về án phí: Buộc anh V, chị N phải chịu án phí giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 9, khoản 5 Điều 177 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X kiện đòi anh N H V và chị N T N trả tiền vay gốc là 29.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Buộc anh N H V và chị N T N có nghĩa vụ trả tiền nợ vay gốc cho chị P T X số tiền 29.000.000 đ (Hai mươi chín triệu đồng) và tiền nợ lãi số tiền 10.702.992 đ (Mười triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng); tổng cộng số tiền 39.702.992 đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N H V, chị N T N phải nộp số tiền 1.985.149 đ (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi chín đồng). Chị P T X đã tạm ứng số tiền 1.225.000 đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0009343 ngày 22 tháng 5 năm 2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đương sự, báo cho đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Thanh Tồn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh Tồn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Trần Văn Phước;

2/. Ông Phan Văn Chiếu.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 120/2020/TLST – DS ngày 22 tháng 5 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

1/. *N đơn*: Chị P T X, sinh năm 1984;

Địa chỉ: ấp Bình Thạnh A, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị X: Chị P T E, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp Bình Tốt, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

2/. *Bị đơn*: Anh N H V, sinh năm 1983;

Địa chỉ: ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3/. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Chị N T N;

Địa chỉ: ấp Huê I, xã Vĩnh Phú Tây, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 về tất cả các vấn đề như sau:

- *Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, khoản 2 Điều 9, khoản 5 Điều 177 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ vào các Điều 280 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P T X kiện đòi anh N H V và chị N T N trả tiền vay gốc là 29.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 05/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

2/ Buộc anh N H V và chị N T N có nghĩa vụ trả tiền nợ vay gốc cho chị P T X số tiền 29.000.000 đ (Hai mươi chín triệu đồng) và tiền nợ lãi số tiền 10.702.992 đ (Mười

triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng); tổng cộng số tiền 39.702.992 đ (Ba mươi chín triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm chín mươi hai đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh N H V, chị N T N phải nộp số tiền 1.985.149 đ (Một triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi chín đồng). Chị P T X đã tạm ứng số tiền 1.225.000 đ (Một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai số 0009343 ngày 22 tháng 5 năm 2020 được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt đương sự, báo cho đương sự biết là có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 11 tháng 11 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Văn Chiếu Trần Văn Phước

Quách Thanh Tồn